

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 146/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26/8/2024
Tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT, TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Quốc Chiến;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hà Thị Kim Thu;

Bà Nguyễn Thị Kim Hoa.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Mộng Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Thuộc trường hợp Viện Kiểm sát không tham gia.

Ngày 26 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 257/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2024 về: “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 150/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 86/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15/8/2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Phan Huỳnh Ngọc D, sinh năm: 1999. Địa chỉ: Tổ 3, ấp S, xã N, huyện H, tỉnh K (Vắng mặt - Có đơn xin giải quyết vắng mặt).

- **Bị đơn:** Anh Trần Thiệu T, sinh năm: 1996. Địa chỉ: Tổ 5, ấp H, xã T, huyện H, tỉnh K (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phan Huỳnh Ngọc D trình bày như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Trước đây sau thời gian tự tìm hiểu và yêu thương nhau thì chị D và anh T được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào năm 2019, anh chị có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân (UBND) xã Thổ Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 101 ngày 02/11/2021. Thời

gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, tuy nhiên được 1 thời gian thì giữa chị và anh phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, vợ chồng không có sự tin tưởng, chia sẻ với nhau. Mặc dù cả hai đã cố gắng níu kéo, hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng không có kết quả nên đến đầu năm 2023 chị và anh T đã sống ly thân cho đến nay.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc và không thể hàn gắn được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Thiện T.

- *Về quan hệ con chung*: Quá trình chung sống với nhau, chị D và anh Trần Thiện T có 1 người con chung tên Trần Thiện N, sinh ngày 16/01/2022. Ly hôn chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh Trần Thiện T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung*: Chị Phan Huỳnh Ngọc D xác định quá trình chung sống với nhau, chị và anh Trần Thiện T không có tài sản chung, cũng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn anh Trần Thiện T:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng anh T đều vắng mặt, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh T đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, khi Cán bộ Tòa án đến tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh T, thì cậu ruột của anh T ở cùng địa chỉ tên Nguyễn Văn Triều nhận thay và cam kết thông báo với anh T.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án chị Phan Huỳnh Ngọc D yêu cầu được ly hôn với anh Trần Thiện T. Xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn anh Trần Thiện T có nơi cư trú tại ấp Hòn Đất, xã Thổ Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn chị Phan Huỳnh Ngọc D có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Trần Thiện T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa.

[3] *Về nội dung vụ án:*

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, HĐXX có cơ sở xác định: Chị Phan Huỳnh Ngọc D và anh Trần Thiện T sau thời gian tìm hiểu và yêu thương nhau thì được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, anh chị có đăng ký kết hôn và được UBND xã Thổ Sơn, huyện Hòa An, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 02/11/2011. Như vậy, hôn nhân giữa chị Phan Huỳnh Ngọc D và anh Trần Thiện T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu của chị D về việc yêu cầu ly hôn với anh T thấy rằng: Trong quá trình chung sống giữa chị D và anh T có phát sinh mâu thuẫn, theo chị D cho rằng do chị và anh T bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung, dù vợ chồng đã cố gắng hàn gắn, nhưng không thành và anh chị đã ly thân nhau từ đầu năm 2023 cho đến nay. Chị D cũng xác định trong thời gian chị và anh T sống ly thân với nhau, thì giữa chị và anh T không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa, cũng không thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án, tiến hành giải thích pháp luật và động viên chị D đoàn tụ gia đình, nhưng chị D vẫn kiên quyết ly hôn với anh T. Đồng thời Tòa án cũng tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T nhiều lần, nhưng anh T vẫn vắng mặt và không thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, điều này chứng tỏ anh T cũng không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị D.

Từ đó cho thấy mối quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh T đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn và mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc chị Phan Huỳnh Ngọc D yêu cầu được ly hôn với anh Trần Thiện T là có cơ sở. Do đó căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Phan Huỳnh Ngọc D được ly hôn với anh Trần Thiện T.

[3.2] *Về quan hệ con chung:* Quá trình chung sống chị D và anh T xác định anh chị có một con người chung tên Trần Thiện N, sinh ngày 16/01/2022. Ly hôn chị Phan Huỳnh Ngọc D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nhi đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh Trần Thiện T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, từ khi chị D và anh T sống ly thân cho đến nay chị D là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nhi, cháu vẫn phát triển bình thường. Hiện tại cháu Nhi còn nhỏ (hơn 2 tuổi), nên việc giao con cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đồng thời, việc này cũng nhằm đảm bảo ổn định cuộc sống và giúp cháu Nhi phát triển tốt về mọi mặt.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Phan Huỳnh Ngọc D không yêu cầu anh Trần Thiện T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.3] *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:* Chị D xác định giữa anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung và chị D không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[4] *Về án phí:* Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì chị Phan Huỳnh Ngọc D phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Huỳnh Ngọc D được ly hôn với anh Trần Thiện T.

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu Trần Thiện N, sinh ngày 16/01/2022 cho chị Phan Huỳnh Ngọc D được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Phan Huỳnh Ngọc D không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

- Về quyền thăm nom, chăm sóc con chung: Trong thời gian chị Phan Huỳnh Ngọc D nuôi con; anh Trần Thiện T được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị Phan Huỳnh Ngọc D xác nhận giữa chị và anh Trần Thiện T không có tài sản chung và nợ chung, nên chị D không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Phan Huỳnh Ngọc D phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001083 ngày 21 tháng 5 năm 2024

của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Chị Phan Huỳnh Ngọc D không phải nộp thêm.

5. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Hòn Đất;
- CCTHADS huyện Hòn Đất;
- UBND xã Thổ Sơn, huyện Hòn Đất;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Cao Quốc Chiến